

Số: 67 /2001/QĐ-UB

Cần Thơ, ngày 26 tháng 11 năm 2001

**quyết định của UBND tỉnh Cần Thơ  
V/v phê duyệt "Chương trình Xóa đói giảm nghèo của  
tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005"**  
-----

**ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Quyết định 62/2000/QĐ-TTg ngày 06/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Cần Thơ từ nay đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg ngày 27/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt "Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005";

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cần Thơ lần thứ X (nhiệm kỳ 2001-2005);

Căn cứ Quyết định số 31/2001/QĐ-UB ngày 9/4/2001 của UBND tỉnh Cần Thơ về phê duyệt "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 tỉnh Cần Thơ";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cần Thơ,

**quyết định:**

**Điều 1.** Phê duyệt "Chương trình Xóa đói giảm nghèo của tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005" kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các ngành chức năng có liên quan, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện triển khai thực hiện hàng năm "Chương trình Xóa đói giảm nghèo của tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005".

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**tm.ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ**  
**KT. chủ tịch**  
**phó chủ tịch**  
Trần Thanh Mẫn

**Chương trình**  
**Xóa đói giảm nghèo của tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005**  
**(Ban hành kèm theo Quyết định số /2001/QĐ-UB**  
**ngày tháng năm 2001 của UBND tỉnh)**

-----

**phần i:**

**Tình hình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 1996 - 2000 :**

**I/- Đặc điểm tình hình :**

**1/- Thuận lợi :**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Cần Thơ nhiệm kỳ 5 năm 1996 - 2000 được xây dựng trong hoàn cảnh đất nước và tỉnh ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kinh tế tăng trưởng với nhịp độ khá cao, giá trị gia tăng (VA) trong giai đoạn 1996 - 2000 tăng bình quân 8,1 %, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: tăng nhanh giá trị gia tăng ở khu vực II, khu vực III. Sản xuất nông nghiệp liên tục phát triển, giá trị sản xuất tăng bình quân 3,2%/năm, năng suất lao động xã hội trong 05 năm qua tăng 6,8%; sản xuất công nghiệp phát triển khá (nhất là công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm); Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tăng lên rõ rệt. Nhiều công trình xây dựng hoàn thành đã đưa vào sử dụng, tăng thêm năng lực của nền kinh tế - xã hội. Kinh tế hợp tác xã đang được phục hồi và phát triển đa dạng về hình thức và qui mô, mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội. Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài phát triển bình quân 23,8%/năm; kinh tế đối ngoại phát triển khá nhanh, tốc độ xuất khẩu tăng bình quân 20% năm, nhập khẩu giảm dần đã chấm dứt thời kỳ nhập siêu. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển mới, cả về qui mô, chất lượng, loại hình đào tạo, cơ sở vật chất và xã hội hóa. Trình độ học vấn và mặt bằng dân trí từng bước được nâng lên. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ. Bước đầu giải quyết được những bức xúc về chính sách xã hội ở địa phương.

Giải quyết việc làm cho người lao động được triển khai thực hiện có kết quả. Nhiều cơ chế, chính sách đã được Chính phủ ban hành, thúc đẩy đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, dịch vụ, đa dạng hoá ngành nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đã tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới, thu hút được nhiều lao động. Trong đó khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác đã đóng góp phần đáng kể, tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, thu hút lao động xã hội.

- Công tác xoá đói, giảm nghèo đã được triển khai mạnh mẽ, thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ và đạt được kết quả khá. Thông qua các chương trình quốc gia đã phối hợp lồng ghép và huy động các nguồn lực của các ngành, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế xã hội, Ngân hàng phục vụ người nghèo, Quỹ xoá đói giảm nghèo đã triển khai nhiều công việc cụ thể giúp các hộ nghèo, đói giảm bớt khó khăn, từng bước tự vươn lên, đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân từng bước được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 là 5,051 triệu đồng, tương đương 354 USD (theo giá thực tế qui đổi 14.000đ/USD), gấp 1,73 lần năm 1995.

- Các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước được các cấp ủy Đảng, chính quyền thông qua Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, đã tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia vào các phong trào xoá đói giảm nghèo ở địa phương

**2/- Khó khăn:**

- Nền kinh tế có phát triển nhưng chưa vững chắc, sức cạnh tranh yếu, hiệu quả thấp. Nhịp độ tăng trưởng GDP chậm hơn 5 năm trước (0,33%). Nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu không đạt kế hoạch, có nguyên nhân khách quan của tác động khủng hoảng kinh tế - tài chính trong khu vực, thiên tai liên tiếp xảy ra, nhưng về chủ quan do sức cạnh tranh của nền kinh tế yếu, thiếu năng động, nhay bén trong nắm bắt thị trường. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế tuy đúng hướng, nhưng còn chậm, lúng túng và thiếu vốn đầu tư. Nông nghiệp phát triển, chủ yếu là lúa, còn kinh tế vườn, chăn nuôi, đặc biệt là thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Trong công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề

truyền thống phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động ở cả nông thôn và thành thị. Vốn đầu tư cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng vừa ít, lại phải dàn trải (do nhu cầu đều bức xúc) và còn có những bất hợp lý. Nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng thấp, giá thành cao, khó tiêu thụ. Hiệu quả của nền kinh tế thấp. Tích lũy nội bộ của nền kinh tế chưa nhiều.

- Trình độ học vấn của nhân dân ở vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến còn thấp so với mặt bằng của toàn tỉnh. Tỷ lệ người lao động được đào tạo mới khoảng 10% (cả nước gần 20%). Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành y tế, nhất là tuyến huyện và xã còn thiếu thốn. Bảo hiểm y tế chậm mở rộng. Người nghèo còn gặp rất nhiều khó khăn trong khám chữa bệnh. Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân lao động, nhất là ở vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến còn thấp so với mức bình quân chung của toàn tỉnh. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt, tệ nạn cờ bạc, rượu chè còn xảy ra khá phổ biến. Tình trạng thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn vẫn là vấn đề nổi cộm và gay gắt. Tỷ lệ hộ nghèo, tuy đã giảm khá nhanh so với chuẩn năm 1997, nhưng thực tế mức sống đó là quá thấp.

- Lũ lụt, gió xoáy liên tục xảy ra với diễn biến hết sức phức tạp gây nên hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, đời sống và việc làm của nhân dân trong tỉnh. Nông sản liên tục bị giảm giá và khó tiêu thụ làm giảm thu nhập và hạn chế việc nâng cao tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn. Tỷ lệ nợ quá hạn khó đòi của các ngân hàng, của Quỹ XĐGN, Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm tăng lên hàng năm.

### **II/- Kết quả thực hiện công tác XĐGN trong 05 năm qua:**

Trong giai đoạn 1996-2000, với sự ủng hộ đầu tư của các Bộ, Ngành của TW và sự cố gắng của các ngành, các cấp trong tỉnh. Tỉnh Cần Thơ đã thực hiện công tác XĐGN đạt kết quả như sau:

Tỷ lệ lao động chưa có việc làm ổn định trong độ tuổi giảm từ 9% năm 1995 xuống còn 5,95% năm 2000. Tỷ lệ hộ nghèo đói giảm từ 11,8% vào cuối năm 1995 xuống còn 4,12% năm 2000 (theo tiêu chí cũ), giảm bình quân 1,2%/năm, đạt được mục tiêu đề ra; có 5 xã, phường được công nhận thoát nghèo.

- Cuối năm 2000 tỉnh Cần Thơ điều tra theo chuẩn mới của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh là 9,64%. Trong đó: số hộ nghèo thuộc diện chính sách chiếm 6,38%, số hộ nghèo người dân tộc Khmer chiếm 23,27%, số hộ nghèo có nhu cầu vay vốn chiếm 67,34%, số hộ nghèo không có đất canh tác chiếm 49,82%, số hộ nghèo ở nhà tạm bợ chiếm 78,26% số hộ nghèo. Đời sống của đa số nông dân sản xuất lúa và mía giảm sút, do giá mỗi năm đều giảm.

### **III/- Những huy động của toàn xã hội trong công tác XĐGN:**

**1/-** Tổng số vốn huy động cho các công trình, dự án lồng ghép có liên quan đến mục tiêu XĐGN trong 05 năm qua là 1.310 tỷ đồng, riêng năm 1999 và 2000 là 524 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp cho chương trình là: 305,8 tỷ đồng Trong đó ngân sách TW 58,3 tỷ đồng, ngân sách địa phương 211,9 tỷ đồng.

- Lồng ghép các chương trình dự án khác là: 116 tỷ đồng, trong đó năm 1999 là: 52,6 tỷ đồng, năm 2000 là: 63,4 tỷ đồng.

- Huy động từ cộng đồng gần 80 tỷ. Trong đó: Ngân hàng phục vụ người nghèo là 42,4 tỷ đồng, vốn XĐGN 10,8 tỷ đồng, vốn đồng bào Khmer gần 4 tỷ đồng, vốn khác là 10,5 tỷ đồng.

- Vốn tín dụng cho vay ưu đãi hộ nghèo là: 49,2 tỷ đồng, trong đó : Ngân hàng phục vụ người nghèo là: 40,3 tỷ đồng, quỹ XĐGN là: 8,9 tỷ đồng.

**2/-** Các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia XĐGN theo Quyết định số 133/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã đạt được trong 2 năm 1999-2000.

- Dự án định canh định cư, di dân và kinh tế mới gần 1 tỷ đồng từ ngân sách TW cho di dân xây dựng vùng kinh tế mới và ổn định cuộc sống 1.200 hộ dân.

- Dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt - khó khăn: với kinh phí trên 1,3 tỷ đồng hỗ trợ cho 1.262 hộ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn vay vốn sản xuất.

**3/-** Lồng ghép các chương trình, dự án phục vụ XĐGN của tỉnh Cần Thơ qua 2 năm 1999-2000:

- Hỗ trợ người nghèo về y tế : đã thanh toán một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm với kinh phí trên 1,8 tỷ đồng; xây dựng các trạm y tế xã kinh phí trên 0,5 tỷ đồng. Đã mua thẻ BHYT cho 38.842 người nghèo theo Thông tư liên bộ số 05/LĐ-TT ngày 29/01/1999 của Liên bộ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Y tế với kinh phí gần 1,2 tỷ đồng. Thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho 195.902 lượt người nghèo, tổng kinh phí thực hiện gần 6 tỷ đồng từ nguồn chi đảm bảo xã hội của tỉnh và kinh phí của ngành y tế.

- Dự án chăm sóc sức khỏe sinh sản và KHHGD đã cung cấp phương tiện dịch vụ tránh thai cho 5.507 lượt người nghèo với kinh phí là: 1,6 tỷ đồng .

- Hỗ trợ người nghèo về giáo dục: phổ cập và xóa mù chữ cho 4.208 lượt người nghèo, kinh phí là 432 triệu đồng, hỗ trợ giáo dục vùng sâu vùng đồng bào dân tộc với kinh phí là 1,6 tỷ đồng. Thực hiện miễn, giảm học phí cho hơn 30 ngàn lượt học sinh nghèo và miễn giảm các khoản đóng góp khác với kinh phí trên 1,5 tỷ đồng.

- Chăm sóc cho 910 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với kinh phí là 1,5 tỷ đồng và phòng chống suy dinh dưỡng cho 49.182 trẻ em với kinh phí là 286 triệu đồng.

- Dự án chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường cho hộ nghèo tổng kinh phí là 9,2 tỷ đồng.

- Miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (năm 2000) cho 18.765 hộ với tổng diện tích 12.331 ha, số thuế được miễn giảm 2.167 tấn lúa.

- Xây dựng 1.007 căn nhà tình thương với kinh phí 9.063 triệu đồng.

- Trợ cấp tết cho hộ nghèo năm 2000 và 2001 mỗi hộ 50.000 đồng.

**4/-** Đội ngũ cán bộ XĐGN chuyên trách được quan tâm củng cố, đã có cán bộ chuyên trách ở 114 xã, phường, thị trấn và 9 đơn vị huyện, thị, thành phố.

**5/-** Đã tập huấn cho cán bộ XĐGN cấp huyện, xã cho 500 lượt người, kinh phí thực hiện trên 20 triệu đồng.

#### **IV/- Đánh giá kết quả đạt được:**

##### **1/- Về những thành tựu trong công tác XĐGN :**

- Chương trình XĐGN đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo sát sao và triển khai thực hiện kịp thời, tích cực, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Người nghèo bước đầu có nhận thức đúng để vươn lên và thoát nghèo 32.518 hộ, biết vận dụng các cơ hội và sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng.

- Hệ thống chính sách, cơ chế, giải pháp XĐGN bước đầu thực hiện và lồng ghép đi vào cuộc sống như: tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, hướng dẫn cách làm ăn, hỗ trợ giải quyết việc làm, hỗ trợ y tế, giáo dục, hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn định canh định cư, di dân kinh tế mới ... tạo thành hành lang pháp lý thuận lợi cho XĐGN và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho xã nghèo để phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đặc biệt là những xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Hệ thống tổ chức, cán bộ làm công tác XĐGN được hình thành ở tỉnh, các huyện, thị, thành phố, các xã, phường, thị trấn.

- Chương trình XĐGN ngày càng đi vào lòng người, từng bước chuyển biến mới trong hoạt động XĐGN từ chỗ hộ nghèo được trợ vốn làm ăn riêng lẻ đã được hướng dẫn các hình thức hợp tác tổ tương trợ vay vốn, tổ nhóm, tổ đoàn kết tương trợ kinh nghiệm làm ăn thông qua các câu lạc bộ khuyến nông, câu lạc bộ gia đình văn hóa, câu lạc bộ phụ nữ, các tổ chức đoàn thể mà điển hình là Hội Cựu chiến binh đã tạo thành sức mạnh tổng hợp, tác động đến đối tượng nghèo đói, làm cho người nghèo có niềm tin và hy vọng sẽ thoát cảnh nghèo đói.

- Tinh thần trách nhiệm, ý thức chăm lo cho người nghèo ngày càng xác định qua các chương trình lồng ghép, phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng nhà tình thương, dạy nghề, giải quyết việc làm, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục... của các ngành, đoàn thể, các địa phương đã phối hợp chốt chẽ và thực hiện có hiệu quả.

## **2/- Về những tồn tại :**

- Nhận thức về trách nhiệm công tác XĐGN ở một số ngành, đoàn thể, địa phương, cơ sở chưa thực sự chuyển biến, từ đó chưa thể hiện rõ sự quan tâm, tinh thần trách nhiệm chưa cao, thiếu đôn đốc, kiểm tra; công tác cán bộ chưa được coi trọng đúng mức, nhiều địa phương thiếu và chưa bố trí được cán bộ có tâm huyết, có năng lực, có trách nhiệm làm công tác XĐGN. Một bộ phận người nghèo chưa nhận thức đúng về trách nhiệm của chính mình, thiếu quyết tâm vươn lên vượt qua nghèo đói, còn ỷ lại, trông chờ vào nhà nước. Cụ thể qua việc thu nợ vay và thu lãi hàng năm không đạt, thậm chí có huyện không thu được lãi.

- Tính bền vững trong XĐGN chưa cao, một bộ phận dân cư có nguy cơ tái nghèo đói do sinh sống ở vùng thường xuyên bị thiên tai; nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là đông con, nhất là xã đồng bào dân tộc Khmer; hai là thiếu việc làm thường xuyên, không biết cách làm ăn, có ruộng đất lại mang cầm cố; thu nhập chủ yếu từ làm thuê rất thấp; ý thức tiết kiệm chưa cao, không có tích lũy; thiếu phương tiện sản xuất, bệnh tật...

- Việc đầu tư mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh ở các khu công nghiệp, khu vực nông thôn,... chưa mạnh nhằm thu hút nhiều lao động vào làm việc tại các cơ sở này để tạo nhiều việc làm cho người nghèo, tăng thu nhập để thoát nghèo. Song song đó, trình độ của người nghèo còn nhiều hạn chế là điều trở ngại to lớn nhất để họ được vào làm việc tại các cơ sở sản xuất này.

- Nguồn đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho chương trình hàng năm còn hạn chế, chưa cân đối. Mục tiêu chung, vốn cấp chưa bảo đảm được tiến độ thực hiện, hiệu quả lồng ghép nguồn lực cho XĐGN còn hạn chế, nguồn lực huy động tại chỗ chưa tương xứng với tiềm lực của địa phương. Mặt khác việc sử dụng vốn XĐGN ở các hộ gia đình từng lúc, từng nơi chưa đúng mục đích, thiếu sự hướng dẫn, kiểm tra của bên cho vay, của chính quyền và đoàn thể ở cơ sở, từ đó dẫn đến mất vốn, không thoát nghèo, nợ quá hạn tăng.

- Hệ thống chính sách, cơ chế XĐGN còn thiếu đồng bộ; cơ chế dân chủ, công khai, kiểm tra, giám sát tuy đã được chấn chỉnh nhưng vẫn còn mang nặng tính hình thức, thiếu chính xác.

- Công tác điều tra nắm quản lý đối tượng hộ nghèo, xã nghèo còn lỏng lẻo, không chính xác, dẫn đến xây dựng chương trình, kế hoạch không phù hợp với thực tế, không hiệu quả; ở một số địa phương, chưa biết cách tạo cơ hội để người dân tham gia xây dựng kế hoạch thực hiện và quản lý nguồn lực cho XĐGN.

## **phần II:**

### **Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ XĐGN giai đoạn 2001-2005**

#### **I/- Những khó khăn, thách thức:**

**1/-** Theo điều tra bổ sung tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn mới của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cuối năm 2000 tỉnh Cần Thơ có 36.188 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,64% so với tổng số hộ của tỉnh, cụ thể qua biểu tổng hợp như sau :

SỐ T T	Đơn vị hành chính	Tổng số hộ dân	Tổng số hộ nghèo	Chia theo khu vực		Tỷ lệ hộ nghèo
				Thành thị	Nông thôn	Hộ nghèo
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	- TP. Cần Thơ	71.721	1.703	988	715	2,37
2	- H. Thốt Nốt	47.640	3.606	305	3.301	5,35
3	- H. Ô Môn	61.046	7.093	1.158	5.935	11,62
4	- H. Châu Thành	25.503	2.980	155	2.825	11,68
5	- H. Châu Thành A	32.262	3.399	-	3.399	10,53
6	- H. Phụng Hiệp	52.551	7.866	876	6.990	14,97
7	- TX. Vị Thanh	13.840	1.747	530	1.217	12,62
8	- H. Long Mỹ	31.923	4.541	381	4.160	14,22
9	- H. Vị Thủy	18.865	3.253	228	3.025	17,24
Cộng		375.171	36.188	4.621	31.567	9,64

Qua số liệu điều tra cuối năm 2000 về chuẩn nghèo mới của Cục Thống kê tỉnh Cần Thơ cho thấy thực trạng hộ nghèo tỉnh Cần Thơ như sau:

- Thiếu vốn sản xuất chiếm 37,9% hộ nghèo; không đất canh tác là 18.028 hộ, chiếm 49,82% số hộ nghèo.

- Đông con là nguyên nhân chủ yếu làm cho nghèo đói có 3.418 hộ, chiếm 9,45% so tổng số hộ nghèo.

- Không có việc làm chiếm 7,35% so tổng số hộ nghèo, gia đình có người bệnh tật thường xuyên chiếm 4,62%; thiếu phương tiện sản xuất là 4,03%, hộ già yếu chiếm 1,79%. Nguồn thu nhập chủ yếu từ làm thuê chiếm tỷ lệ 75,63% so với hộ nghèo toàn tỉnh.

- Dân tộc Khmer có tỷ lệ nghèo đói cao nhất, chiếm 23,27% hộ dân tộc Khmer.

- Có 16.867 hộ đi làm thuê, chiếm tỷ lệ 46,61% số hộ nghèo; hộ mất sức lao động, hưu trí là 5.951 hộ, chiếm tỷ lệ 16,44%.

- Hộ nghèo ở nhà tạm bợ chiếm 78,26%, hộ ở đậu chiếm 19,41%, hộ ở nhà tương đối chiếm 1,57%

- Hộ không có điện sử dụng chiếm 72,97%, hộ không dùng nước sạch chiếm 92,52% đã phần nào ảnh hưởng đến sức khỏe người dân các hộ nghèo; có 22.229 hộ nghèo không có đồ dùng sinh hoạt chủ yếu như phương tiện nghe nhìn, nắm bắt các thông tin, chính sách của Đảng và nhà nước chiếm 61,43% so với tổng số hộ nghèo.

Qua thực trạng cho thấy thiếu vốn sản xuất, thiếu việc làm, đông con, trình độ dân trí thấp, chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường yếu kém là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghèo đói.

**2/-** Chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị vẫn còn khoảng cách khá cao, sự phân hoá giàu nghèo có xu hướng ngày càng tăng.

**3/-** Nguy cơ tái nghèo vẫn còn cao. Những năm gần đây tình thường xuyên xảy ra thiên tai, lũ lụt và 70% người nghèo làm việc trong nông nghiệp dẫn đến nguy cơ tái nghèo cao. Mặt khác có không ít hộ tuy không thuộc dạng nghèo đói, nhưng mức thu nhập không ổn định nằm giáp ranh chuẩn nghèo cũng có nguy cơ tái nghèo. Vì vậy, những kết quả XĐGN còn thiếu tính bền vững.

## **II/- Mục tiêu, nhiệm vụ:**

### **1/- Mục tiêu chung:**

Chương trình mục tiêu Quốc gia XĐGN giai đoạn 2001-2005 là một chương trình tổng hợp có tính chất liên ngành trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm tạo điều kiện để hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản như: ăn, mặc, được học hành, chăm sóc sức khỏe, hưởng thụ các thành quả về văn hóa tinh thần...; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn; tăng cường đào tạo nghề phục vụ chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

### **2/- Mục tiêu cụ thể:**

"Các cấp, các ngành cần có chủ trương, giải pháp đồng bộ, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, trước hết giải quyết việc làm cho người lao động và thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo cho các tầng lớp nhân dân. Phần đầu đến năm 2005 thu nhập bình quân đầu người gấp 1,7 lần năm 2000. Trong 5 năm giải quyết việc làm cho 175.000 - 200.000 lao động (bình quân mỗi năm giải quyết 35.000 - 40.000 lao động có việc làm), xuất khẩu 1.000 - 2.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài (bình quân 200 - 400 lao động/năm). Đến năm 2005 : giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp còn khoảng 4 - 5% ; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 5%". Bình quân mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 1% và giải quyết việc làm cho khoảng 3.000-3.500 người lao động nghèo. Không để tái đói.

- Đảm bảo các xã nghèo cơ bản có đủ các công trình hạ tầng cơ sở thiết yếu (thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường dân sinh, nước sạch sinh hoạt, điện, chợ)

## **III/- Quan điểm chỉ đạo:**

**1/-** XĐGN là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội, là một trong những chương trình trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội, là chính sách xã hội cơ bản, phát triển kinh tế - xã hội phải đi đôi với thực hiện XĐGN bền vững. Do đó cần huy động sức mạnh của các ngành, các cấp, MTTQ, các đoàn thể và của toàn xã hội dưới sự điều hành của chính quyền từng cấp để thực hiện xã hội hoá công tác XĐGN.

**2/-** Phát huy nội lực đi đôi với củng cố và tăng cường hợp tác quốc tế: Động viên người nghèo phát huy nội lực, tự thấy có trách nhiệm phải vươn lên, khắc phục khó khăn, chí thú làm ăn để thoát nghèo, tránh sự trông chờ ỷ lại vào Nhà nước. Song song đó huy động các nguồn lực của cộng đồng, đây là nguồn hỗ trợ lớn nhất, đa dạng phong phú, và lâu dài nhất. Từ sự ủng hộ của các tầng lớp dân cư, của các ngành, các cấp các tổ chức đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội, hỗ trợ người nghèo, xã nghèo. Khai thác nguồn tài trợ quốc tế để bổ sung nội lực. Đa dạng hoá các hình thức hỗ trợ người nghèo, xã nghèo (nâng cao nhận thức, kiến thức, kinh nghiệm làm ăn, cho mượn vốn, đóng góp quỹ xây dựng nhà tình thương, cứu trợ kịp thời hộ nghèo gặp khó khăn đột xuất, đóng góp quỹ XĐGN, cố vấn cho tổ tự quản XĐGN tại địa bàn dân cư...) cần phát huy hình thức tự nguyện, "dân giúp dân" là điều có ý nghĩa trực tiếp thiết thực nhất, đây cũng là truyền thống tốt đẹp cho dân tộc ta cần phát huy mạnh mẽ.

**3/-** Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh cần chú trọng các hộ nghèo thuộc diện chính sách, dân tộc Khmer; đảng viên, đoàn viên, hội viên; số hộ thiếu đất canh tác, thiếu vốn sản xuất; các hộ nghèo đang còn ở nhà tạm bợ, chưa được sử dụng điện và nước sạch, chưa có phương tiện nghe nhìn để nắm bắt thông tin.

Thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và an sinh xã hội với chương trình XĐGN. Tăng thêm các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ xóa đói giảm nghèo và vốn vay của các ngân hàng; vận động người giàu, khá giả giúp đỡ hộ nghèo; khuyến

khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng; Nhà nước có chính sách ưu đãi giúp đỡ về vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề cho người nghèo, xã nghèo, vùng nghèo. Tiếp tục xây dựng và quản lý tốt Quỹ xóa đói giảm nghèo, phát triển các trường dạy nghề, các trung tâm tư vấn, dịch vụ giải quyết việc làm và hướng dẫn những người nghèo biết cách làm ăn.

**4/-** Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với phát triển kinh tế hợp tác và kinh tế hộ, giải quyết việc làm với XDGN; tạo cơ hội và điều kiện cho người nghèo, xã nghèo tiếp cận với các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của tỉnh.

**5/-** Phát huy sức mạnh tổng hợp của MTTQ và các đoàn thể trong công tác XDGN. Phối hợp với MTTQ tỉnh tích cực vận động thành lập quỹ "Ngày vì người nghèo".

#### **IV/- Giải pháp:**

Để nâng cao hiệu quả của chương trình và bảo đảm xoá đói giảm nghèo bền vững, cần triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

**1/-** Thường xuyên tổ chức điều tra thống kê phân loại hộ nghèo, xác định nguyên nhân cụ thể của từng trường hợp để có biện pháp hướng dẫn giúp đỡ một cách có hiệu quả. Đặc biệt là hệ thống các đoàn thể ở các cấp phải nắm và quản lý được hộ nghèo thuộc đoàn thể của mình.

**2/-** Khuyến khích và tạo thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch với nhiều quy mô, nhiều trình độ; chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp định hướng chung và lợi thế của từng vùng, từng địa phương; trước hết, tập trung cho công nghiệp chế biến, công nghiệp sử dụng nhiều lao động và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển mạnh mẽ tiểu thủ công nghiệp, mở rộng ngành, nghề tại xóm ấp và tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng ở nông thôn, tạo thêm việc làm mới để chuyển lao động nông nghiệp sang làm ngành, nghề phi nông nghiệp, nâng dần mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo. Có chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn thu hút nhiều lao động tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp mở rộng các loại hình dịch vụ, tạo thêm việc làm ở nông thôn.

**3/-** Tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Quan tâm xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nghèo để đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế và ổn định đời sống như thủy lợi, trường học, trạm y tế, điện, nước, đồng thời nâng cấp, cải tạo các tuyến trục giao thông nối vùng nghèo với các trung tâm của những vùng khác, nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho vùng nghèo, vùng khó khăn để phát triển.

**4/-** Thực hiện các chính sách lồng ghép đối với XDGN:

Nhằm tạo mọi điều kiện để người nghèo có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản như:

**4.1/-** Chính sách tín dụng: tiếp tục cung cấp và nâng mức vay tín dụng ưu đãi, không phải thế chấp cho hộ nghèo thông qua các tổ chức đoàn thể để phát triển sản xuất, tăng thu nhập. Sửa đổi cơ chế để người nghèo vay vốn thuận lợi, sử dụng có hiệu quả. Khuyến khích các hình thức tín dụng - tiết kiệm, nhất là hình thức tín dụng tiết kiệm của các tổ chức đoàn thể.

**4.2/-** Các Trung tâm khuyến nông tổ chức hướng dẫn các biện pháp canh tác, định hướng cách làm ăn; các cơ sở dạy nghề dạy những nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn: trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật, kỹ thuật canh tác, những nghề phi nông nghiệp để tự tạo việc làm, tăng thu nhập và phát triển gia đình bền vững.

**4.3/-** Chính sách hỗ trợ về giáo dục: tạo mọi điều kiện để tất cả con em trong hộ nghèo đều đến trường học; được miễn giảm học phí các khoản xây dựng đóng góp xây dựng trường, lớp. Khuyến khích học sinh nghèo học giỏi, bằng các giải thưởng, học bổng và các chế độ ưu đãi khác; nâng cao chất lượng giáo dục các trường dân tộc nội trú để đào tạo cho các xã đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh công tác xoá mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học - phổ cập trung học cơ sở, nâng cao trình độ dân trí. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất trường học cho vùng có nhiều dân tộc, hộ nghèo có đủ phòng học cấp tiểu học và trung học cơ sở với sự tham gia đóng góp của cộng đồng.

**4.4/-** Chính sách trợ giúp về y tế: thực hiện phương châm "phòng bệnh hơn trị bệnh", hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo tự chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện vệ sinh môi trường và vệ sinh thực phẩm, ăn sạch, uống sạch, ở sạch; mở rộng BHYT cho người nghèo, tiến tới mua BHYT cho toàn bộ người nghèo; cải tiến thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh cho các hộ đói, nghèo, bảo đảm cho người nghèo tiếp cận thuận lợi trong phòng khám, chữa bệnh, được miễn, giảm viện phí... (đặc biệt quan tâm đến phụ nữ, trẻ em và gia đình chính sách); thành lập và phát huy hiệu quả hoạt động của Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo ở từng cấp nhằm huy động các nguồn lực, tài lực để giúp đỡ bệnh nhân nghèo; tăng cường mạng lưới y tế ở cơ sở để tạo điều kiện cho người nghèo được chăm sóc dễ dàng hơn, nhất là tại các xã vùng sâu, có nhiều đồng bào dân tộc... Tăng cường thực hiện chiến dịch truyền thông dân số - kế hoạch hoá gia đình, tạo điều kiện cho người nghèo được chăm sóc sức khỏe sinh sản, chủ động đưa các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến từng hộ nghèo, thực hiện miễn phí các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đối với người nghèo.

**4.5/-** Tăng cường hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn như: hỗ trợ phát triển sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, ưu tiên về giáo dục, y tế, cho vay vốn phát triển sản xuất, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, nhằm thực hiện XĐGN bền vững.

**4.6/-** Thực hiện chính sách an sinh xã hội, trợ giúp các đối tượng yếu thế, hỗ trợ trực tiếp cho người bị rủi ro do thiên tai, bão lụt để ổn định cuộc sống, từng bước hoà nhập với cộng đồng. Phối hợp với BCĐ XĐGN tỉnh, Ngân hàng người nghèo, Kho bạc Nhà nước tỉnh, các địa phương rà soát lại hộ nghèo bị thiệt hại do lũ lụt để đề nghị giảm miễn, khoan nợ, xoá nợ theo Thông tư Liên tịch số 08/1999/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 15/3/2000 của Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn giải quyết các dự án vay vốn từ quỹ Quốc gia giải quyết việc làm bị rủi ro. Tương tự như vậy đối với các dự án vay vốn từ Quỹ Xóa đói giảm nghèo, Ngân hàng người nghèo.

**4.7/-** Thực hiện chính sách về nhà ở, hỗ trợ cho hộ nghèo vay vốn xây dựng nhà, phát động phong trào nhà tình thương cho hộ nghèo.

**4.8/-** Ngành Thuế xem xét thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí theo quy định đối với người nghèo.

**4.9/-** Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo có những hiểu biết phổ thông về luật pháp liên quan đến đời sống hàng ngày, giải đáp cho người nghèo về những chính sách của Nhà nước, nhất là những chính sách có liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của họ.

**4.10/-** Ngành Văn hoá - Thông tin tổ chức thông tin tuyên truyền những điển hình sản xuất tiên tiến, những mô hình vượt nghèo có hiệu quả, vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách xoá đói giảm nghèo.

**5/-** Mở rộng thị trường lao động trong tỉnh và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

**6/-** Cùng cố chấn chỉnh lại BCĐ Xóa đói giảm nghèo các cấp. Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác XĐGN các cấp, đặc biệt là cán bộ ở cấp cơ sở.

#### **VI/- Các dự án hỗ trợ trực tiếp XĐGN :**

##### **1/- Dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh:**

- Mục tiêu : Đây là biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, tăng thu nhập và vượt nghèo một cách bền vững nhất. Dự án nhằm cung cấp tín dụng cho khoảng 25.000 - 30.000 lượt hộ nghèo và các cơ sở sản xuất có khả năng thu hút nhiều lao động tham gia.

- Dự kiến nguồn vốn: gồm nguồn vốn Ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn các tổ chức đoàn thể, cán bộ công chức, hợp tác quốc tế với tổng nguồn khoảng 152 tỷ đồng.

- Biện pháp: Đa dạng hoá các hình thức cung cấp tín dụng cho hộ nghèo, ưu tiên cho chủ hộ là nữ (kể cả hộ nằm sát trên chuẩn nghèo có nguy cơ tái nghèo) hoặc hộ có tư liệu sản xuất có

nhu cầu vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh để thu hút các hộ nghèo "trắng tay" vào cơ sở giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định hơn.

- Đơn vị thực hiện: Ngân hàng phục vụ người nghèo.

## **2/- Dự án hướng dẫn cho người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến ngư.**

- Mục tiêu: hướng dẫn cho người nghèo cách tổ chức sản xuất, các biện pháp canh tác, hỗ trợ giống mới theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, ...

- Biện pháp: xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến ngư ở xã, ấp, thường xuyên bồi dưỡng cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để hướng dẫn lại và chuyển giao cho nông dân, ưu tiên hỗ trợ giống có chất lượng cao cho hộ nghèo để chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo định hướng chung của huyện, tỉnh. Tổ chức đào tạo nghề cho nông dân nói chung trong đó có chính sách riêng cho hộ nghèo.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **3/- Dự án xây dựng mô hình XDGN ở các huyện, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng thường xuyên bị thiên tai lũ lụt.**

- Mục tiêu: xây dựng và nhân rộng một số mô hình XDGN ở một số huyện: Ô Môn, Thốt Nốt, Long Mỹ, Vị Thủy, Phụng Hiệp, thị xã Vị Thanh.

- Biện pháp: ưu tiên đầu tư đồng bộ về tín dụng cho vay, xây dựng cơ sở hạ tầng...

- Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

## **4/- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo :**

- Mục tiêu: xây dựng từ 7 - 10 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu như thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, giao thông, nước sinh hoạt, điện, chợ; xây dựng các trung tâm cụm xã thành các thị tứ và trở thành nơi giao lưu kinh tế - văn hoá của nhân dân trong vùng tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ phục vụ sản xuất và các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Biện pháp: hàng năm bố trí kế hoạch lồng ghép với các chương trình mục tiêu của tỉnh với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các huyện.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch - Đầu tư chủ trì cùng các Sở, ngành có liên quan và các huyện.

## **5/- Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo :**

- Mục tiêu : Xây dựng và chuyển giao 2 mô hình mẫu về hỗ trợ sản xuất, phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro cho người nghèo; phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, tạo thêm việc làm cho nông dân.

- Biện pháp: thí điểm đầu tư một số ngành nghề truyền thống và hướng dẫn nông dân thực hiện; triển khai thực hiện dự án phát triển tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn theo Quyết định 132/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và chương trình khuyến công của tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các huyện.

## **6/- Dự án định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo:**

- Mục tiêu: di dân xây dựng vùng kinh tế mới nhằm phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn, đồng thời phân bố lại lao động dân cư trên địa bàn gắn với giải quyết việc làm. Dự kiến ổn định di dân kinh tế mới cho 5.000 hộ.

- Biện pháp: đưa người hộ nghèo không đất sản xuất đi khai thác đất hoang, bãi bồi ven sông, xây dựng vùng kinh tế mới.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Kế hoạch - Đầu tư .

#### **7/- Dự án xoá "cầu khỉ" nông thôn:**

- Mục tiêu: trong 5 năm thay 1.000 cầu khỉ ở các huyện Long Mỹ, Vị Thủy, Phụng Hiệp, Ô Môn, thị xã Vị Thanh, góp phần cải thiện điều kiện đi lại để phục vụ sản xuất và đời sống của dân cư.

- Biện pháp: huy động mọi nguồn lực để xây dựng thay thế các "cầu khỉ".

- Đơn vị thực hiện: Sở Giao thông Vận tải.

#### **8/- Dự án hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo:**

- Mục tiêu: giúp người nghèo ổn định về nhà ở.

- Biện pháp: huy động các nguồn vốn để xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo, nhất là những hộ nghèo ở vùng ngập lụt. Kết hợp thủy lợi với giao thông nông thôn và khu dân cư. Phối hợp với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát động trồng cây nhân dân lấy gỗ xây nhà cho hộ nghèo.

- Đơn vị thực hiện: Sở Xây dựng và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với UBNDTTQ.

#### **9/- Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác XDGN:**

- Mục tiêu: đào tạo cán bộ tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác XDGN. Bồi dưỡng những kỹ năng, kiến thức cơ bản trong việc xây dựng kế hoạch, dự án, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình XDGN ở cơ sở. Trong 5 năm đào tạo khoảng 600 lượt cán bộ trực tiếp làm công tác xoá đói giảm nghèo cấp tỉnh, huyện và 1.000 lượt cán bộ XDGN xã, phường, thị trấn. Có kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả đào tạo cán bộ.

- Biện pháp: hàng năm phối hợp với Trường Chính trị để đào tạo.

- Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **VII/- Về kinh phí thực hiện:**

#### **1/- Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí : 1.258 tỷ đồng**

- Kinh phí thực hiện các chính sách: 234 tỷ đồng, gồm:

. Tín dụng hỗ trợ người nghèo: 150 tỷ đồng.

. Kinh phí để thực hiện hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo: 24,25 tỷ

. Chính sách về giáo dục: 46,5 tỷ đồng.

. Hỗ trợ dân tộc khó khăn: 6.5 tỷ đồng

. Chính sách an sinh xã hội: 50 tỷ đồng

. Chính sách về nhà ở: 28 tỷ đồng

- Kinh phí thực hiện các dự án: 600 tỷ đồng

- Các giải pháp khác là 174 tỷ đồng

**2/- Nguồn vốn thực hiện: 1.274 tỷ đồng**

- Nguồn vốn lưu động : 1.024 tỷ đồng
- Ngân sách trung ương : 150 tỷ đồng
- Ngân sách địa phương : 15 tỷ đồng
- Huy động cộng đồng : 5 tỷ đồng
- Nguồn tín dụng: 80 tỷ đồng.

**phần iii:****Tổ chức thực hiện****I/- Về tổ chức :**

- Kiện toàn BCD và bộ máy thực hiện chương trình quốc gia về XDGN của các cấp.
- Kiện toàn cán bộ chuyên trách từ huyện, thị, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn làm công tác XDGN theo hướng ưu tiên chọn những người có tâm huyết, có trình độ nhất định. Đặc biệt nên cần có 1 cán bộ chuyên trách ở ấp, khu vực phụ trách công tác XDGN và công tác khuyến nông.
- Xây dựng và ban hành qui chế hoạt động của BCD XDGN tỉnh

**II/- Về biện pháp:**

1/- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục một cách sâu rộng và thường xuyên làm chuyển biến nhận thức từ trong nội bộ Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp ra ngoài nhân dân về công tác XDGN. Nâng cao nhận thức của người nghèo về tự lực phấn đấu vươn lên để thoát nghèo.

- Cách tuyên truyền: thông qua các cơ quan báo, đài, các đoàn thể quản lý.

2/- Hàng năm có xây dựng kế hoạch của từng cấp, có đề ra chỉ tiêu cụ thể và đưa vào Nghị quyết của HĐND, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3/- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm có sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình XDGN có hiệu quả và khen thưởng một cách thiết thực đối với những cá nhân, tổ chức tích cực làm tốt công tác XDGN.

**III/- Phân công thực hiện:**

**1/- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** chủ trì quản lý Chương trình; làm thường trực Chương trình giúp Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức, quản lý, điều hành, phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hàng năm và tổng hợp tình hình thực hiện chương trình; tổ chức đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người nghèo; phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương xây dựng các chính sách và dự án phục vụ công tác XDGN như:

- Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác XDGN.
- Dự án xây dựng mô hình XDGN ở các huyện, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng thường xuyên bị thiên tai lũ lụt.
- Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo.

**2/- Sở Kế hoạch - Đầu tư:** chủ trì phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá cân đối và bố trí kế hoạch hàng năm để thực hiện Chương trình. Phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương cụ thể hoá việc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia với chương trình XĐGN và quản lý, tổ chức thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã nghèo.

**3/- Sở Tài chính - Vật giá:** chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư bố trí và bảo đảm ngân sách Nhà nước cấp hàng năm cho Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; chỉ đạo và tổ chức việc cấp phát đầy đủ, kịp thời đúng dự toán, đúng mục tiêu đã được duyệt; phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan nghiên cứu đề xuất các chính sách đối với người nghèo (về y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe sinh sản, nhà ở, thuế...).

**4/- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** chủ trì nghiên cứu xây dựng chính sách trợ giúp đối tượng nghèo về biện pháp canh tác, giống,...; phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

- Dự án hướng dẫn cho người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến ngư;
- Dự án định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo.

**5/- Sở Công nghiệp:** chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

- Phát triển lưới điện nông thôn, giúp hộ nghèo có điện sử dụng;
- Chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh.

**6/- Các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh và Ngân hàng phục vụ người nghèo tỉnh:** chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh; quản lý, tổ chức thực hiện dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh.

**7/- Tiểu ban dân tộc tỉnh:** chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và địa phương trong việc quản lý nắm số hộ nghèo (số vượt nghèo, số phát sinh mới), tổ chức thực hiện các dự án XĐGN cho đồng bào dân tộc Khmer, nhân rộng các mô hình XĐGN tốt trong đồng bào dân tộc.

**8/- Sở Y tế:** chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành có liên quan và địa phương nghiên cứu xây dựng và thực hiện chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo.

**9/- Sở Giáo dục - Đào tạo:** chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và địa phương nghiên cứu xây dựng và thực hiện chính sách trợ giúp người nghèo về giáo dục.

**10/- Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em:** chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và địa phương nghiên cứu xây dựng và thực hiện chính sách trợ giúp người nghèo về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc trẻ em nghèo.

**11/- Sở Xây dựng:** chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBMTTQ và các địa phương nghiên cứu xây dựng và thực hiện chính sách về nhà ở, hỗ trợ cho hộ nghèo vay vốn xây dựng nhà, phát động phong trào nhà tình thương cho hộ nghèo. Chủ trì thực hiện Dự án hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo.

**12/- Sở Giao thông - Vận tải:** chủ trì phối hợp với các địa phương và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện dự án xoá "cầu khỉ" nông thôn.

**13/- Ngành Thuế:** xem xét thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí theo quy định đối với người nghèo.

**14/- Sở Tư pháp:** nghiên cứu và thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo.

**15/- Sở Văn hoá - Thông tin:** tổ chức thông tin tuyên truyền những điển hình sản xuất tiên tiến, những mô hình vượt nghèo có hiệu quả, vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách xoá đói giảm nghèo.

**16/- Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện:** phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các chương trình và lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn có liên quan đến công tác XĐGN, đưa chỉ tiêu này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và xét thi đua hàng năm; tăng cường và củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác XĐGN ở cơ sở; định kỳ báo cáo về UBND tỉnh và cơ quan thường trực quản lý Chương trình về tình hình thực hiện Chương trình.

**17/- Đề nghị UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh** tham gia thực hiện và giám sát Chương trình ở các cấp.

#### **IV/- Về kiểm tra, đánh giá :**

Ban chỉ đạo thực hiện chương trình quốc gia XĐGN các cấp thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động của chương trình trên địa bàn tỉnh trong tất cả các giải pháp của chương trình theo các phương thức giao cho thành viên ban chỉ đạo định kỳ hàng quý làm việc và kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chương trình làm việc tại các địa phương được phân công, phụ trách; Thường trực BCD tỉnh tổng hợp đánh giá toàn diện tình hình thực hiện chương trình XĐGN ở các ngành, các cấp.

- BCD chương trình qui định chế độ báo cáo tình hình về tiến độ và kết quả thực hiện chương trình làm việc của tỉnh trong hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm đối với BCD cấp dưới. Ngoài ra, trường hợp cần thiết thường trực BCD XĐGN có yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo chuyên đề trong phạm vi quản lý./.

**tm.ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ**

**KT. chủ tịch**

**phó chủ tịch**

Trần Thanh Mẫn